

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày 29/12/2023	9,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.1%	-20.0%	45.5%

Hệ số nguy cơ phá sản	0.70
Z - score (sản xuất)	(B3)
2023	Nguy hiểm

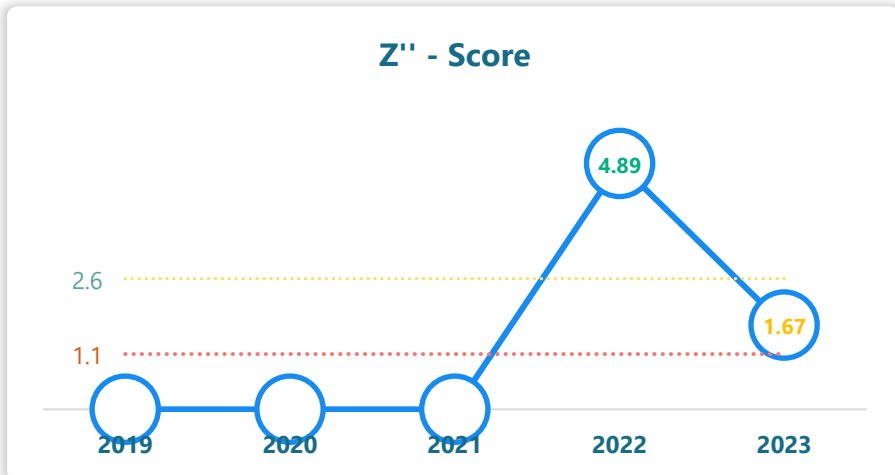
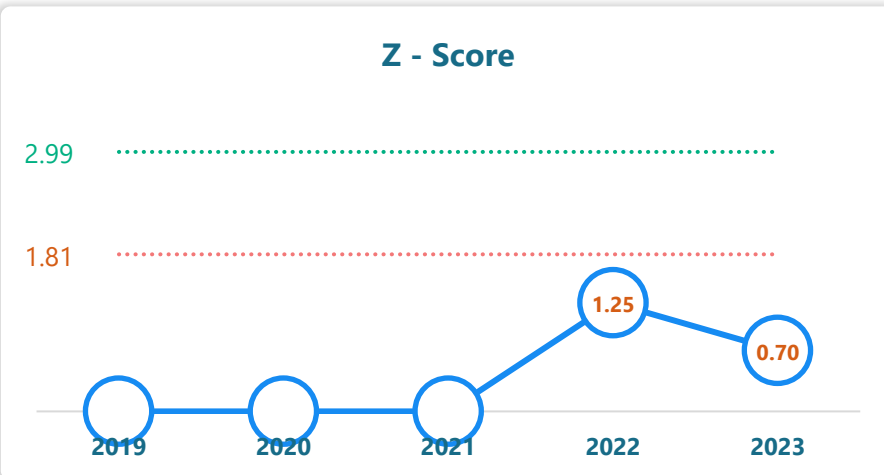
Hệ số nguy cơ phá sản	1.67
Z'' - score (phi sản xuất)	(Ba3)
2023	Cảnh báo

DT thuần	2023	0.95	YoY ▲ 0.95
		tỷ VNĐ	

LN sau thuế	2023	5.98	YoY ▲ 3.38 ▲ 130%
		tỷ VNĐ	

ROE	2023	0.6%	+/- YoY ▲ 0.3%
-----	------	------	-------------------

ROA	2023	0.3%	+/- YoY ▲ 0.2%
-----	------	------	-------------------



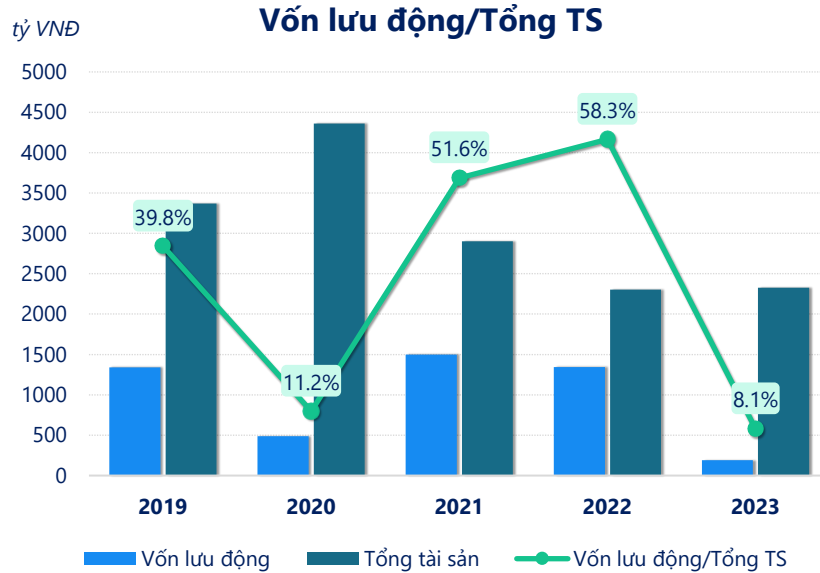
Xét với doanh nghiệp sản xuất: Với **Z-Score** là **-0.89** < **1.81**, cho thấy **LQN** nằm trong vùng nguy hiểm, có nguy cơ phá sản cao và không ổn định về tình hình tài chính.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: **Z''-Score** của **LQN** năm **2023** đạt **-3.58**, thấp hơn so với năm 2022 (-2.98). Z''-Score < 1.1, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng nguy hiểm, nguy cơ phá sản cao.

Kết quả kinh doanh **LQN** năm **2023**, doanh thu thuần **giảm mạnh 26.4%** chỉ còn **11.53** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 39.8%** đạt **-7.50** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng 67.1% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

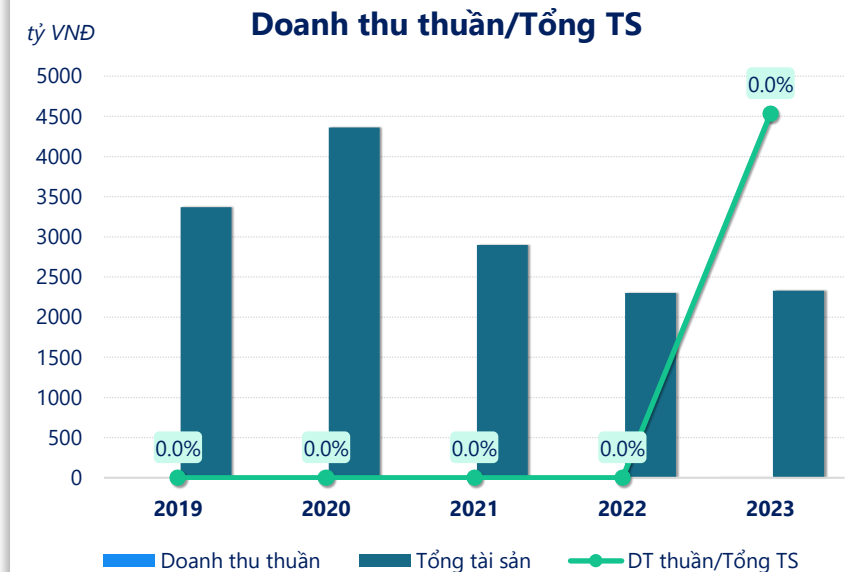
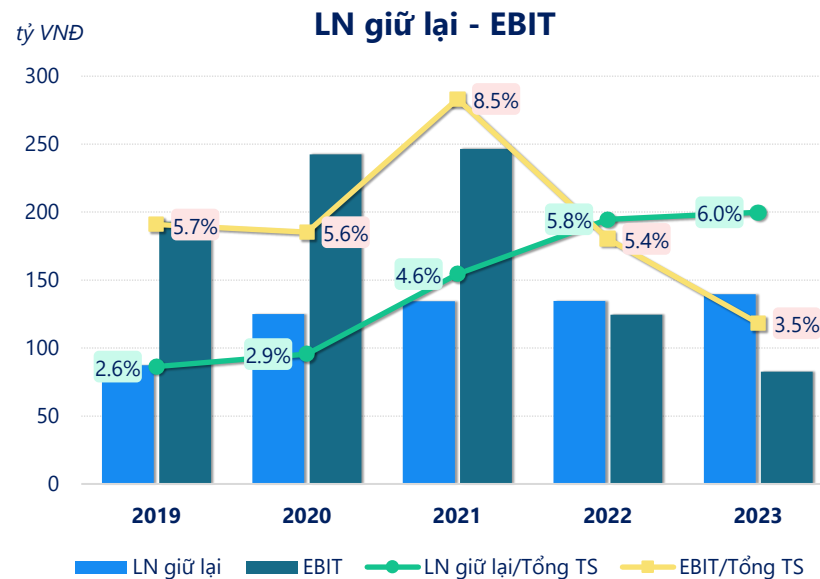
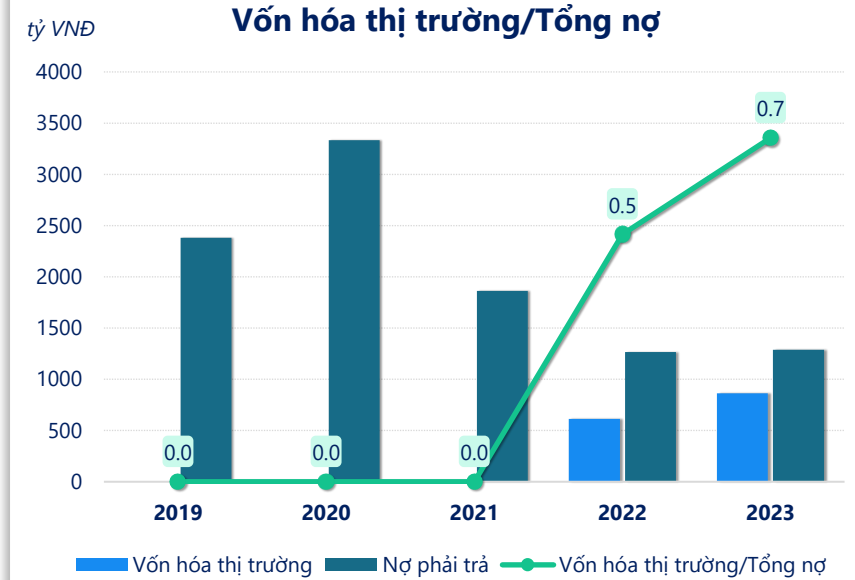
CTCP Bất động sản Sài Gòn Vi Na (UPCOM: LSG)



Vốn lưu động < 0 và **giảm** so với năm trước là một dấu hiệu đáng lo ngại về thanh khoản và tài chính của công ty. Có thể công ty đang gặp phải tình hình tài chính không ổn định. Công ty cần có sự quản lý tài chính hiệu quả, tái cấu trúc và tăng cường vốn lưu động.

Tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng nợ dưới 1 có thể cho thấy công ty đang gặp phải một số thách thức trong việc tạo ra giá trị cho cổ đông hoặc chưa thực sự quản lý nợ một cách hiệu quả.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	2,332	2,303	1.3%
Tài sản ngắn hạn	946	2,079	-54.5%
Tiền và tương đương tiền	22.4	14.5	54.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	880	948	-7.2%
Hàng tồn kho	0	1,074	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	43.9	43.1	1.8%
Tài sản dài hạn	1,386	224	520%
Phải thu dài hạn	48.6	48.6	0.0%
Tài sản cố định	0.52	0.68	-23.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,260	102	1140%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	77.0	72.7	6.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,288	1,267	1.7%
Nợ ngắn hạn	758	736	2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	162	481	-66.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.17	4.05	-95.8%
Nợ dài hạn	530	530	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	530	530	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,044	1,036	0.7%
Vốn chủ sở hữu	1,044	1,036	0.7%
Vốn điều lệ	900	900	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	0	0	0	0	0.95
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	0.59
Lợi nhuận gộp	0	0	0	0	0.36
Doanh thu HĐTC	214	257	259	138	114
Chi phí TC	169	194	232	121	95.0
Chi phí lãi vay	165	194	232	121	75.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	16.1	14.6	12.3	12.6	11.9
LN thuần từ HĐKD	28.6	48.2	15.0	4.03	7.32
Lợi nhuận khác	-1.00	-0.01	-0.11	-0.44	0.31
LN trước thuế	27.6	48.2	14.9	3.59	7.63
Lợi nhuận sau thuế	28.5	40.2	11.7	2.60	5.98
LNST của CĐ cty mẹ	28.5	40.2	11.7	2.60	5.98

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-499	-2,115	1,226	98.6	-238
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	127	1,103	788	106	566
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	357	984	-2,001	-206	-320
Tiền đầu kỳ	45.8	30.9	2.78	16.6	14.5
Lưu chuyển tiền thuần	-14.9	-28.1	13.8	-2.08	7.92
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	30.9	2.78	16.6	14.5	22.4